

BIỂU CHI TIẾT CÁC THỪA ĐẤT THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 16/TB-TTPTQĐ, ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Trung tâm PTQĐ huyện Mường Tè)

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hệ số điều chỉnh giá đất	Giá đất cụ thể	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Ghi chú
I. Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè.									
1	19	127	90	ODT	Khu phố 10, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	2,1	2.000.000	180.000.000	
II. Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn tại xã Mường Tè, huyện Mường Tè									
1	43	157	217,0	ONT	Bản Nậm Cúm, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1,65	140.000	50.127.000	
2	46	119	196,1	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	27.454.000	
3	46	125	210,7	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	29.498.000	
4	46	126	219,7	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	30.758.000	
5	46	127	200,9	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.126.000	
6	46	128	201,3	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.182.000	
7	46	129	229,5	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	32.130.000	
8	45	177	202,0	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.280.000	
9	45	178	200,0	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.000.000	
10	45	179	202,5	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.350.000	

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hệ số điều chỉnh giá đất	Giá đất cụ thể	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Ghi chú
11	45	180	200,2	ONT	Bản Đon Lạt, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	1	140.000	28.028.000	
Tổng			2.279,9						
III. Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn tại xã Can Hồ, huyện Mường Tè									
1	15	74	200	ONT	Bản Seo Hai, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	1	60.000	12.000.000	
2	12	155	281,9	ONT	Bản Sì Thâu Chải, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	1	100.000	28.190.000	
Tổng			481,9						
IV. Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn tại xã Nậm Khao, huyện Mường Tè									
1	4	91	225,4	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	11.270.000	
2	4	92	212,4	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	10.620.000	
3	4	93	196,2	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	9.810.000	
4	4	94	191,1	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	9.555.000	
5	4	95	191,7	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	9.585.000	
6	4	96	200,2	ONT	Bản Xám Láng, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	1	50.000	10.010.000	
Tổng			1217,0						